

Phong cách nghệ thuật trong văn chính luận của Hồ Chí Minh qua bản Tuyên ngôn độc lập

Phân tích giá trị lịch sử của Tuyên ngôn độc lập. Nêu một vài cảm nhận của anh (chị) về phong cách nghệ thuật trong văn chính luận của Hồ Chí Minh qua bản Tuyên ngôn độc lập này.

BÀI LÀM

19.8.1945 chính quyền ở thủ đô Hà Nội đã về tay nhân dân ta. 23.8 tại Huế, trước 15 vạn đồng bào ta, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị. Ngày 15.7, hơn 80 vạn đồng bào Sài Gòn, Chợ Lớn quật khởi đứng lên giành chính quyền. Chỉ không đầy mười ngày, Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám đã thành công rực rỡ. Chế độ thực dân kéo dài 80 năm cùng với chế độ phong kiến hàng ngàn năm sụp đổ tan tành. Ngày 2.9.1945, tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, thay mặt chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng đọc bản “Tuyên ngôn Độc lập”, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra một kỷ nguyên mới Độc lập. Dịp do. Hà Nội tung bừng màu đỏ, cả một vùng

trời bát ngát cò, đèn và hoa.

Đọc bản Tuyên ngôn Độc lập đến nửa chừng, Hồ Chủ tịch dừng lại và hỏi: “Tôi nói đồng bào nghe rõ không?” Tức thì một tiếng “có” của một triệu con người cùng đáp, vang dậy như sấm.

“Việt Nam độc lập muôn năm”. Một triệu con người, một triệu tiếng hô cùng hòa làm một, vang dội núi sông, khi Hồ Chí Minh vừa kết thúc bản Tuyên ngôn:

“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

Có thể nói: bản Tuyên ngôn độc lập thể hiện một cách hùng hồn, khát vọng ý chí và sức mạnh Việt Nam. Nó có một giá trị lịch sử vô cùng to lớn. Nó phản ánh một cách tập trung nhất, tiêu biểu nhất phong cách nghệ thuật trong văn chính luận của Hồ Chí Minh.

Nếu như Nam Quốc sơn hà của Lý Thường Kiệt mở đầu bằng một lời tuyên ngôn danh thếp: “Nam quốc sơn hà Nam đế cư”, Bình ngô đại cáo khẳng định một chân lý lịch sử: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân – Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”, thì Tuyên ngôn Độc lập lại mở đầu bằng

cách trích dẫn hai câu nổi tiếng trong hai bản “Tuyên ngôn” nổi tiếng thế giới.

Câu thứ nhất trích dẫn từ bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ năm 1776:

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền được mưu cầu hạnh phúc”.

Câu thứ hai rút từ bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791.

Hồ Chí Minh không chỉ trích dẫn mà còn bình luận, suy rộng ra” “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và tự do”, và đi tới khẳng định: “đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.” Qua đó, ta thấy lý tưởng cao cả, sâu sắc của Hồ Chí Minh là từ sự xác nhận và đề cao một lý tưởng thời đại về tự do, bình đẳng, bác ái, về nhân quyền đi đến một yêu cầu, một khát vọng cháy bỏng và vô cùng thiêng liêng của nhân dân Việt Nam và độc lập dân tộc. Và “Độc lập – Tự do – Hạnh phúc” là mục tiêu chiến đấu của nhân dân ta, của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, việc trích dẫn ấy còn là đề tranh thủ sự đồng tình ủng hộ rộng lớn của dư luận tiên bộ trên thế giới nhất là đối với các cường quốc năm châu. Như vậy, khi ta nói đến giá trị lịch sử của Tuyên ngôn độc lập trước hết phải nói đến dụng ý chiến lược và chiến thuật của việc trích dẫn hai câu nổi tiếng trong hai bản “Tuyên ngôn” của Mỹ và Pháp.

Giọng văn từ trang nghiêm, trang trọng chuyển thành hùng hồn, căm giận khi Hồ Chủ tịch vạch trần và lên án tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân ta trong gần một thế kỷ qua. Bộ mặt của chúng vô cùng xảo quyệt và dã man “lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta”. Tác giả đã điếm qua một cách khái quát và điển hình tội ác của thực dân Pháp trên các lĩnh vực về chính trị, kinh tế và những tội ác khác chồng chất như núi. Đó là năm tội ác ghê tởm về chính trị và bốn tội ác cực kỳ dã man về kinh tế của chúng.

Năm tội ác lớn về chính trị đó là tước đoạt quyền tự do dân chủ, luật pháp dã man, chia để trị, đàn áp khủng bố, thi hành chính sách ngu dân, đầu độc bằng rượu cồn và thuốc phiện “để làm cho nòi giống ta suy nhược”. Trong Bình Ngô đại cáo Nguyễn Trãi đã nói về tội ác của quân “cuồng Minh”: “nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn – Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ”. Hơn 500 năm sau, trong Tuyên ngôn Độc lập, người anh hùng giải phóng dân tộc Hồ Chí Minh viết: “Chúng lập nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết

những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.”

Đó là những bằng chứng không ai chối cãi được. Câu văn ngắn, đanh thép, hùng hồn. Chữ “chúng” được nhắc lại nhiều lần đầy ám ảnh. Cách so sánh của thể, mỉa mai (lập ra nhà tù nhiều hơn trường học). Cách dùng vị ngữ, trạng ngữ xác đáng (thẳng tay chém giết), cách dùng hình ảnh (bể máu) – tất cả tạo nên phong cách chính luận Hồ Chí Minh: súc tích, lập luận chặt chẽ, đanh thép, lời lẽ hùng hồn đầy sức thuyết phục.

Bốn tội ác về kinh tế của thực dân Pháp là bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho “dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều”; cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu, độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng...Lên án chính sách sưu thuế vô nhân đạo của chúng, tác giả căm giận viết: “Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.” Hàng trăm thứ thuế vô lý ấy của thực dân Pháp đặt ra, nhân dân ta đã từng chịu đựng và ghê tởm:

*Các hạng thuế, các làng tăng mãi,
Hết đình điền rồi lại trâu bò,
Thuế diêm, thuế rượu, thuế đò, thuế xe
Thuế sản vật, thuế chè, thuế thuốc*

*Thuế môn bài, thuế nước thuế đèn
Thuế nhà cửa, thuế chùa chiền
Thuế bà tre gõ, thuế thuyền bán buôn,
Thuế đến cả phân sơn đường phố,
Thuế những anh thuốc lọ gày mòn.
Thuế gò, thuế bãi, thuế cò
Thuế người chức sắc, thuế con hát đàn,
Thuế dầu, mật, thuế sơn mọi lối,
Thuế gạo, rau, thuế muối, thuế bông,
Thuế tơ, thuế sắt, thuế đồng
Thuế chim, thuế cá, khắp trong lưỡng kỳ
Các hạng thuế kể chi cho xiết
Thuế xia kia mới thiệt lạ lùng!...
Làm cho thập thất cửu không,
Làm cho đau đớn khôn cùng không thôi!...*

(Đề tỉnh quốc dân ca 1906) Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch trần bộ mặt hèn nhát và phản bội của thực dân Pháp. Mùa thu năm 1940, thực dân Pháp “quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta, rước Nhật”. Pháp và Nhật đã câu kết với nhau, bóc lột dân ta thậm tệ, gây ra thảm họa Ất Dậu 1945: “Từ đđos, dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó, dân ta sống cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói!”.

Sự hèn hạ, tanf ác của thực dân Pháp không thể nào kể xiết!. Ngày 9.3.1945 Nhật đảo chính Pháp “quân Pháp bỏ chạy hoặc đầu hàng”. Tác giả châm biếm lên án: “Chúng chẳng những không “bảo hộ” được ta, trái lại trong năm năm chúng bán nước ta hai lần cho Nhật!”. Thậm tệ và tàn nhẫn hơn nữa là trước khi rút chạy “chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng”.

Bằng cách lập luận chặt chẽ, đanh thép, hùng hồn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định một sự thật lịch sử: Từ năm 1940 trở đi, nước ta đã trở thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải của Pháp nữa. Việt Minh đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy giành chính quyền lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Để đập tan luận điệu của Đờ Gôn và bọn thực dân phản động Pháp đang âm mưu “tái chiếm” Đông Dương, Hồ Chí Minh hùng hồn tuyên bố: “Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp”. Tuyên ngôn Độc lập có giá trị lịch sử to lớn. Tác giả chỉ rõ một cục diện chí trị mới: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị”. Từ nô lệ, nhân dân ta đã giành được độc lập: Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập”. Một chế độ mới, một nhà nước mới ra đời: “Dân ta đã đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”.

Phần tiếp theo là một lời tuyên bố sáng ngời chính nghĩa, thể hiện một

quyết tâm sắt thép, không có một thế lực thù địch nào có thể lay chuyển nổi. Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng trên lập trường dân tộc kêu gọi các nước Đồng Minh “công nhận quyền độc lập của nhân dân Việt Nam”. Đồng thời mạnh mẽ tuyên bố: “thoát ly hẳn quan hệ với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về Việt Nam, xóa bỏ tất cả những đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam”. Tác giả tự hào nêu cao truyền thống anh hùng, bất khuất chống thực dân và chống phát xít của dân tộc ta và khẳng định: “Dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”

Kết thúc bản Tuyên ngôn độc lập là một lời tuyên bố mang ý nghĩa lịch sử như một lời thề thiêng liêng, thể hiện sâu sắc khát vọng được độc lập, tự do của nhân dân ta, biểu thị quyết tâm và sức mạnh Việt Nam:

“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.”

Tuyên ngôn Độc lập đã thể hiện một cách cao đẹp và sáng tỏ phong cách chính luận của Hồ Chí Minh. Bác viết văn làm thơ để phục vụ cách mạng. Trước lúc cầm bút, Người tự hỏi: “Viết nhằm mục đích gì? Viết cho ai? Viết về vấn đề gì? Viết như thế nào?”. Tuyên ngôn Độc lập

không chỉ nói với nhân dân Việt Nam mà còn để nói với thế giới, đặc biệt là bọn đế quốc, thực dân đang âm mưu tái chiếm Việt Nam. Mọi lý lẽ, luận cứ đều tập trung hướng về đối tượng ấy và khẳng định quyền độc lập, tự do của nhân dân ta.

Những luận cứ được Hồ Chủ tịch nêu lên trong bản Tuyên ngôn Độc lập là những bằng chứng không thể chối cãi được. Chỉ một lời vạch tội, một mũi tên mà bắn trúng hai đích: “Chúng lập nhà tù nhiều hơn trường học”. Đó chính là chính sách đàn áp khủng bố và ngu dân của thực dân Pháp.

Lời viết ngắn gọn, hàm súc, đầy thuyết phục. Chỉ một câu chín từ mà nêu bật một cục diện chính trị: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị”. Cách dùng từ ngữ của Bác rất chính xác và gợi cảm. Văn chính luận, bản chất của nó là lý lẽ và cách lập luận. Thế nhưng có lúc xuất hiện những hình ảnh đầy xúc động “chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của chúng ta trong những bể máu”; cách dùng từ ngữ, nhất là động từ, trạng từ vừa chính xác vừa đanh thép: “thẳng tay chém giết...”, “thoát ly hẳn...” “xóa bỏ hết”... “xóa bỏ tất cả...”. Văn phong của Bác rất nhuần nhị, uyển chuyển trong cách sử dụng điệp từ, điệp ngữ, cấu trúc cân xứng, trùng điệp, tăng cấp... tạo nên những câu văn đẹp, ý tưởng sâu sắc, đầy ấn tượng: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít

mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!.”

Hồ Chí Minh đã viết bản Tuyên ngôn Độc lập vào hạ tuần tháng 8-1945 tại căn nhà số 48 phố Hàng ngang – Hà Nội, ngay sau ngày Người từ chiến khu Việt Bắc trở về với thủ đô (26-8-1945). Hồ Chí Minh đã có lần nói, suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, chỉ có lúc soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập là “những giờ phút sáng khoái nhất của Người”.

Tuyên ngôn Độc lập đã kế thừa và phát triển bài thơ Thần của Lý Thường Kiệt, Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi, nó là bản anh hùng ca của thời đại Hồ Chí Minh. Nó nói lên khát vọng độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam anh hùng. Với giá trị lịch sử to lớn, lập luận chặt chẽ, sắc bén, đanh thép, hùng hồn, bản Tuyên ngôn Độc lập là một nét chói lọi góp phần làm rạng rỡ nên văn hiến Việt Nam. Trong cuốn hồi ký “Những năm tháng không thể nào quên” Đại tướng Võ Nguyên Giáp có viết:

“Bản án chế độ thực dân Pháp đã có từ 30 năm trước đây. Nhưng hôm nay mới chính là ngày thực dân Pháp bị đưa ra cho toàn nhân dân Việt Nam công khai xét xử. Lịch sử đã sang trang. Một kỷ nguyên mới bắt đầu: kỷ nguyên Độc lập, Tự do, Hạnh phúc... cả dân tộc đã hồi sinh. Vô vàn khó khăn còn ở phía trước mắt. Nhưng đối với bọn đế quốc, muốn phục hồi lại thiên đàng đã mất, mọi việc không còn dễ dàng như xưa.”

Tuyên ngôn Độc lập là thành quả chiến đấu hơn 80 năm của dân tộc ta, là sự kết tinh bằng máu của hàng triệu người Việt Nam.

Tự do đã nở hoa hồng

Trong dòng máu đỏ, trên đồng Việt Nam